

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

Bản án số: 37/2021/HS-ST
Ngày: 23-06-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Linh- Nguyên hiệu trưởng Trường dân tộc nội trú huyện Lạc Sơn;

Ông Phạm Trung Kiên- Phó hiệu trưởng Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Phúc Tuy.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Văn Hường- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Phụng- Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 23/06/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 05 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 06 năm 2021 đối với bị cáo Bùi Minh Q, sinh ngày 01/03/2005 tại Xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: xóm Đ, Xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa (học vấn) 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Lin, sinh năm: 1983 và bà Bùi Thị Tám, sinh năm 1984; vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- Bị hại: Bùi Văn H, sinh năm 1996. Nơi cư trú: xóm Đ, Xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình (Có mặt);

- Người làm chứng:

+ Bùi Văn V, sinh ngày 01/11/2003. Nơi cư trú: xóm Đ, Xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt);

+ Bùi Tiến K, sinh ngày 22/08/2005. Đại diện cho Bùi Tiến Kỳ là ông Bùi Văn Hiến. Cùng cư trú: xóm Chiềng, Xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt);

+ Bùi Văn T, sinh ngày 04/03/2005. Đại diện cho Bùi Văn T là bà Bùi Thị Bin, sinh năm 1972. Cùng cư trú: xóm Đ, Xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt);

- Đại diện Trường tiểu học và trung học cơ sở Xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình bà: Vũ Thị H. (Có mặt);

- Người đại diện cho bị cáo Bùi Minh Q và người làm chứng Bùi Văn V là anh Bùi Văn L, sinh năm 1983 và chị Bùi Thị T, sinh năm 1984. Cùng cư trú: xóm Đ, Xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 04/3/2021, Bùi Minh Q cùng Bùi Văn V, Bùi Văn T, Bùi Văn Hanh và Bùi Tiến Kỳ cùng ăn cơm, uống rượu và hát tại nhà Bùi Văn T. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Q và Hanh xảy ra mâu thuẫn và có lời lẽ cãi cọ nhau. V là anh trai Q đã can ngăn nhưng Q không nghe nên V tát vào mặt Q ba đến bốn phát. Sau khi bị V đánh, Q đã lấy bát cơm ném nhưng không trúng ai. Thấy vậy, mọi người can ngăn, Q tự đứng dậy bị trượt chân ngã và va đầu vào tường. Thấy vậy, Hanh và Kỳ vào can ngăn thì Q chạy ra góc phòng và rút trong túi áo khoác mình đang mặc ra 01 con dao bấm mũi nhọn có tổng chiều dài 21cm, dùng tay phải định đâm V nhưng có anh Hanh can ngăn và do mâu thuẫn với anh Hanh từ đầu nên Q đã dùng dao bằng tay phải đâm về phía anh Hanh và trúng vào vùng ngực anh Hanh gây thương tích. Hậu quả: Anh Hanh bị thương phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 48/TgT ngày 23/3/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Hòa Bình kết luận: 1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương ngực phải. Dày dính màng phổi phải. Đứt xương sườn số 3 bên phải. 2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 22% (hai mươi hai phần trăm). 3. Đặc điểm vật gây thương tích: vật có cạnh sắc nhọn.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bùi Minh Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác.

Bùi Minh Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã có trách nhiệm bồi thường toàn bộ cho bị hại; bị cáo là người chưa thành niên; là người dân tộc thiểu số chưa am hiểu về pháp luật; bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự; bị cáo có ông nội là Bùi Văn Như được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 31/05/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã quyết định truy tố Bùi Minh Q về tội: "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 91; Điều 98; Điều 65; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 26 đến 32 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) con dao gấp bằng kim loại màu trắng chiều dài 21cm, lưỡi dao có chiều dài 9,5cm là dao mũi nhọn một lưỡi, phần rộng nhất lưỡi dao là 2,5cm, phần chuôi dao có khe ở giữa để gấp lưỡi dao, phần dưới và giữa hai bên có ốp nhựa màu đỏ, trên đầu chuôi dao có đèn pin, một bên chuôi dao có hai nút bấm để gấp và mở lưỡi dao và mở đèn pin, chuôi dao có chiều dài 11,5cm, phần rộng nhất chuôi là 4cm. Hiện vật chứng trên đang quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội đề nghị tịch thu tiêu hủy theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình mình cùng chăm sóc bị hại và bồi thường tổng số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). Bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm, do đó đề nghị không đề cập giải quyết.

Bị cáo không có lời bào chữa, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Lời khai nhận của bị cáo Bùi Minh Q tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/3/2021, tại gia đình anh Bùi Văn T, thuộc xóm Đ, Xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, do có mâu thuẫn nên Bùi Minh Q, sinh ngày 01/03/2005 (khi thực hiện hành vi phạm tội mới 16 tuổi 03 ngày) có hành vi dùng dao đâm một nhát trúng vào vùng ngực anh Bùi Văn Hanh gây thương tích. Hậu quả anh Hanh bị tổn thương 22% (*hai mươi hai phần trăm*) cơ thể. Hành vi của Bùi Minh Q đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị

cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe mà còn gây tổn hại về tinh thần cho bị hại, gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương và thể hiện sự xem thường pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này và sống có ích cho xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã có trách nhiệm bồi thường toàn bộ cho bị hại; bị cáo là người chưa thành niên; là người dân tộc thiểu số chưa am hiểu về pháp luật; bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự; bị cáo có ông nội là Bùi Văn Như được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét cho bị cáo.

Ngoài ra, tại thời điểm phạm tội- ngày 04/03/2021 bị cáo chưa thành niên (16 tuổi 03 ngày) nên cần áp dụng các qui định về người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội là phù hợp các qui định tại chương XII- Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cần cho bị cáo được hưởng án treo giao về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục cũng đủ răn đe và tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, sửa đổi thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa phù hợp 91; Điều 98; Điều 65; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại Bùi Văn Hanh, bị cáo và gia đình bị cáo đã tự thỏa thuận khắc phục toàn bộ hậu quả số tiền 20.000.000đ, anh Hanh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, do đó HĐXX không xem xét trách nhiệm dân sự của bị cáo trong vụ án là phù hợp các Điều 584; 585; 586; 590 Bộ luật dân sự.

[7] Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định các 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Minh Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về mức hình phạt: Xử phạt Bùi Minh Q 26 (Hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 52 (Năm mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/06/2021).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của [Luật Thi hành án hình sự](#).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội là 01 (một) con dao gấp bằng kim loại màu trắng chiều dài 21cm, lưỡi dao có chiều dài 9,5cm là dao mũi nhọn một lưỡi, phần rộng nhất lưỡi dao là 2,5cm, phần chuôi dao có khe ở giữa để gấp lưỡi dao, phần dưới và giữa hai bên có ốp nhựa màu đỏ, trên đầu chuôi dao có đèn pin, một bên chuôi dao có hai nút bấm để gấp và mở lưỡi dao và mở đèn pin, chuôi dao có chiều dài 11,5cm, phần rộng nhất chuôi là 4cm.

(Vật chứng nêu trên hiện được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn theo đúng mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho ngày 01/06/2021).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- UBND Xã N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN.

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Thiệu Bùi Văn Ôn

Lê Thị Hồng

Mẫu số 27-HS(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾
xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS
ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS
ngày...tháng...năm...đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾.....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....
Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học
vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....;
con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án....., tiền
sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú.....,

nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾
 - Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾

 - Bị hại:⁽¹⁷⁾

 - Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾

 - Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾

 - Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾

 - Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾

 - Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾

 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾

 - Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²⁴⁾

 - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):⁽²⁵⁾

 - Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

[1].....

 [2].....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾
.....
(30)
.....
(31)
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là

các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

CHỦ TỌA PHIÊN

1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa

